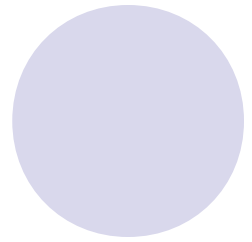
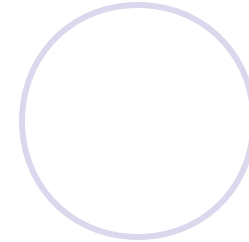
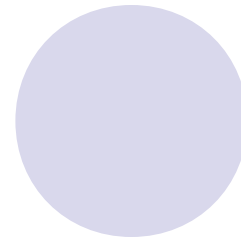


Đề tài thuyết trình:

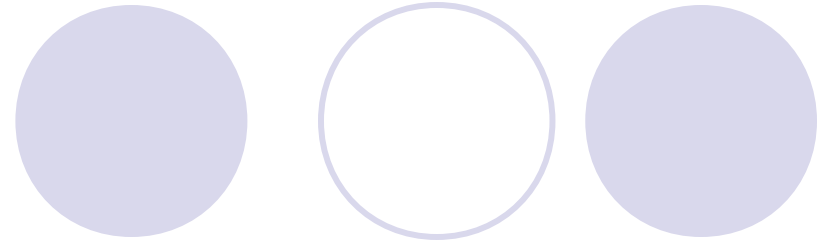


**SỰ TÁC ĐỘNG CỦA
CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CỦA NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC ĐẾN CÁC NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Thành viên của nhóm:

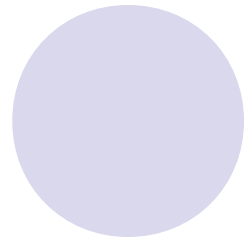
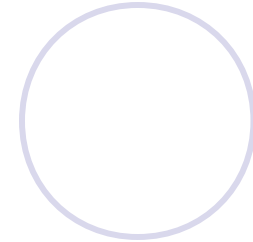
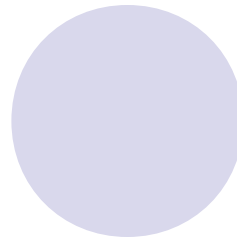
- 1. Phan Thái Nguyệt**
- 2. Lâm Thanh Hồng**
- 3. Nguyễn Thị Mai Loan**
- 4. Trần Thảo Trinh**

Nội dung trình bày:



- I. Các công cụ của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.
- II. Tác động của chính sách tiền tệ đến ngân hàng thương mại Việt Nam.
- III. Một số giải pháp và kiến nghị.

Phạm vi nghiên cứu:



Đánh giá sự tác động của chính sách tiền tệ từ cuối năm 2007 đến những tháng đầu năm 2009.

// CÁC CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ:

1/ Dự trữ bắt buộc

- Dự trữ bắt buộc là phần tiền gửi mà các NHTM phải đưa vào dự trữ theo luật định. Mức dự trữ bắt buộc cao hay thấp phụ thuộc vào tỷ lệ dự trữ bắt buộc – do NHNN quy định trong từng thời kỳ.

-Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là tỷ lệ phần trăm trên lượng tiền gửi mà các ngân hàng trung gian huy động được, phải để dưới dạng dự trữ”.

Dỡ trữ bắt buộc

Dự trữ bắt buộc là công cụ mang tính chất hành chính của NHNN, nhằm điều tiết mức cung tiền tệ của các NHTM thông qua hệ số tạo tiền. Điều đó có nghĩa: khi muốn rút bớt tiền khỏi lưu thông, NHNN sẽ tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc và ngược lại. *“Chống lạm phát vào thời điểm đầu năm 2008 này đang là nhiệm vụ cấp bách và nóng của NHNN nói riêng, Chính phủ nói chung. Trong nhiều công cụ để thực hiện chức năng nói trên, có công cụ dự trữ bắt buộc là một trong những công cụ tạo hiệu ứng nhanh và mạnh”.* [TS – Nguyễn Đại Lai, Tác động của công cụ dự trữ bắt buộc trong chính sách tiền tệ đến cung ứng tiền và mặt bằng lãi suất tín dụng]

2/ Công cụ nghiệp vụ thị trường mở:

- Nghiệp vụ thị trường mở: là hoạt động Ngân hàng Trung ương mua bán giấy tờ có giá ngắn hạn trên thị trường tiền tệ, điều hòa cung cầu về giấy tờ có giá, gây ảnh hưởng đến khối lượng dự trữ của các Ngân hàng thương mại, từ đó tác động đến khả năng cung ứng tín dụng của các Ngân hàng thương mại dẫn đến làm tăng hay giảm khối lượng tiền tệ.

2/ Công cụ nghiệp vụ thị trường mở:

- Quy chế hoạt động TTM tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 85/2000/QĐ - NHNN ngày 09/3/2000 và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định: Quyết định số 1439/2001/QĐ - NHNN ngày 20/11/2001 về việc sửa đổi một số điều trong Quy chế nghiệp vụ TTM, Quyết định số 877/2002/QĐ-NHNN ngày 19/8/2002 về việc sửa đổi điều 1 Quyết định 1439/2001/QĐ - NHNN ngày 20/11/2001; Quyết định số 1085/2003/QĐ-NHNN ngày 16/9/2003 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế nghiệp vụ TTM ban hành kèm theo Quyết định số 85/2000/QĐ-NHNN và Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1439/2001/QĐ-NHNN cùng một số quyết định khác.

3/ Công cụ lãi suất:

-Lãi suất là giá cả của quyền sử dụng vốn, việc thay đổi lãi suất sẽ kéo theo sự biến đổi của chi phí tín dụng, từ đó tác động đến việc thu hẹp hay mở rộng khối lượng tín dụng trong nền kinh tế. Cơ chế điều hành lãi suất được hiểu là tổng thể những chủ trương chính sách và giải pháp cụ thể của Ngân hàng Trung ương nhằm điều tiết lãi suất trên thị trường tiền tệ, tín dụng trong từng thời kỳ nhất định.

3/ Công cụ lãi suất:

- Tùy vào điều kiện thực tế của nền kinh tế, NHNN áp dụng công cụ lãi suất theo chính sách sau:
 - - Đầu những năm 90 của thế kỷ 20, NHNN áp dụng khung lãi suất.
 - - Đến năm 1996 áp dụng biên độ lãi suất
 - - Năm 1998 áp dụng lãi suất trần
 - - Từ năm 2000 đến nay áp dụng lãi suất thỏa thuận và không vượt quá 150% lãi suất cơ bản được NHNN công bố trong từng thời kỳ (theo quy định của Bộ Luật Dân sự). Từ đó đến trước năm 2008, nền kinh tế Việt Nam ổn định và phát triển là mục tiêu hàng đầu. Do đó, từ tháng 3/2004 đến tháng 12/2005, mỗi năm lãi suất cơ bản chỉ tăng từ 0,3% đến 0,45% và giữ luôn ở mức 8,25%/năm trong hai năm 2006 và 2007.

4/ Hạn mức tín dụng:

Công cụ hạn mức tín dụng: là một công cụ can thiệp trực tiếp mang tính hành chính của NHNN để khống chế mức tăng khối lượng tín dụng của các NHTM. Hạn mức tín dụng là mức dư nợ tối đa mà NHNN buộc các NHTM phải chấp hành khi cấp tín dụng cho nền kinh tế. Tuy nhiên trong nền kinh tế thị trường, cung cầu tín dụng luôn biến động không ngừng, do đó, công cụ này ít được áp dụng.

4/ Hạn mức tín dụng:

- 4.1/ Chỉ thị số 03/2007/CT - NHNN (Chỉ thị 03) ngày 28/5/2007 của NHNN, về kiểm soát quy mô, chất lượng tín dụng và cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán.
- Vào những tháng giữa năm 2007, xác định được việc cho vay kinh doanh chứng khoán là "có nguy cơ rủi ro" trong bối cảnh thị trường chứng khoán diễn biến khó lường, một thị trường còn quá mới mẻ cũng như tỷ lệ cho vay trong lĩnh vực này tại các NHTM từ 2,5% đến 7% trên tổng dư nợ của các NHTM, đặc biệt những NHTM nhỏ con số này đã lên 40 đến 50%
[Nguồn: <http://www.sanotc.com.vn/News/ViewItem.aspx?item=290182>],

Sự ra đời của Chỉ thị 03 gặp không ít những phản ứng của các NHTM, của các nhà đầu tư chứng khoán. Họ cho rằng tỷ lệ 3% mang tính áp đặt trong nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, Chỉ thị 03 chính là phương thuốc "an toàn cho cả ba" (ngân hàng, nhà đầu tư, thị trường chứng khoán);. Đến tháng 2 năm 2008, NHNN ban hành quyết định 03/2008/QĐ-NHNN ngày 01/02/2008 để thay mức 3% nói trên bằng tỷ lệ 20% vốn điều lệ.

4/ Hạn mức tín dụng:

- **4.2. Tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2008 không vượt quá 30%:**
- Để tiếp tục thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ thắt chặt, tại hội nghị sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2008 của ngành, NHNN đã đề ra giải pháp hạn chế tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành không vượt quá 30%.

5/ Tỷ giá hối đoái:

Tỷ giá hối đoái là tương quan sức mua giữa đồng nội tệ và đồng ngoại tệ. Nó vừa phản ánh sức mua của đồng nội tệ, vừa là biểu hiện quan hệ cung cầu ngoại hối. Tỷ giá hối đoái là công cụ, là đòn bẩy điều tiết cung cầu ngoại tệ, tác động mạnh đến xuất nhập khẩu và hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước.

5/ Tỷ giá hối đoái:

Chính sách tỷ giá tác động một cách nhạy bén đến tình hình sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa, tình trạng tài chính, tiền tệ, cán cân thanh toán quốc tế, thu hút vốn đầu tư, dự trữ của đất nước. Về thực chất tỷ giá không phải là công cụ của chính sách tiền tệ vì tỷ giá không làm thay đổi lượng tiền tệ trong lưu thông. Tuy nhiên ở nhiều nước, đặc biệt là các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi coi tỷ giá là công cụ hỗ trợ quan trọng cho chính sách tiền tệ.

5/ Tỷ giá hối đoái:

Theo định kỳ, NHNN công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của VND với USD. Và tùy theo tình hình kinh tế trong nước và thế giới, NHNN nới rộng hay thu hẹp biên độ tỷ giá VND/USD. Theo đó, NHTM được phép hoạt động ngoại hối ấn định tỷ giá mua bán giao ngay giữa VND và USD trong biên độ

5/ Tỷ giá hối đoái:

- Một số ngành bị ảnh hưởng mạnh bởi sự biến động tỷ giá
- - Đối với ngành xăng dầu, tại thời điểm cuối tháng 3/2008, tỷ giá thị trường thấp hơn tỷ giá liên ngân hàng nên Petrolimex phải mua USD với giá cao hơn giá thị trường khiến mỗi lít xăng dầu tăng 300-400 đồng do tỷ giá. Từ tháng 4/2008, tỷ giá đảo chiều mạnh, tỷ giá giao dịch ở trần biên độ, chênh lệch tỷ giá từ thời điểm ký hợp đồng đến thời điểm thanh toán từ 40 đồng/lít lên mức 500 đồng/lít ở thời điểm tháng 7-8/2008.

5/ Tỷ giá hối đoái:

Một số ngành bị ảnh hưởng mạnh bởi sự biến động tỷ giá

- Công ty Nhựa Bình Minh trong giai đoạn tháng 5- 6/2008 thiệt hại mỗi tháng 5-6 tỷ đồng do biến động tỷ giá; Tập đoàn Dệt may thiệt hại khoảng 50 tỷ đồng cũng trong giai đoạn này do chênh lệch giữa giá USD thu bán cho ngân hàng thương mại và giá mua USD phục vụ mua nguyên liệu.

-Ngành điện, PPC là một trong những trường hợp điển hình nhất trong số các công ty bị thiệt hại do biến động tỷ giá. Với khoản vay khoảng 37 tỷ Yên Nhật, PPC phải chịu thiệt kép về tỷ giá khi VND trượt giá so với USD, trong khi đồng USD cũng giảm giá so với Yên Nhật. Nếu chỉ tính từ tháng 9-11/2008, Yên Nhật đã tăng giá 20%-25% so với USD và 30%-40% so với Euro).

- Theo NHNN, việc tăng tỷ giá trên nhằm thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội để chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu, kích cầu đầu tư và tiêu dùng, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2009 ở mức khoảng 6,5% và dựa trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước năm 2009.
- Các chuyên gia cho rằng, động thái trên của NHNN sẽ tạo điều kiện cho các NHTM linh hoạt hơn nữa trong hoạt động kinh doanh và khả năng đáp ứng nhu cầu về ngoại tệ của các doanh nghiệp.

II. TÁC ĐỘNG CỦA CS TIỀN TỆ

1. Tình hình thế giới và trong nước:

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Năm 2008 kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp và biến động nhanh chóng: - 7 tháng đầu năm 2008 thị trường hàng hoá (dầu thô, gạo, vàng...) có xu hướng tăng cao: giá dầu thô liên tục tăng cao, đến giữa T7/2008 lên đến 147USD/thùng tác động đến toàn bộ thị trường hàng hóa thế giới, giá lương thực, thực phẩm leo thang, gạo có thời điểm lên tới 1.200USD/tấn, giá vàng lên tới trên 950USD/ounce, đồng USD giảm giá mạnh.. Những tháng cuối năm giá cả hàng hóa có xu hướng giảm mạnh, dầu thô chỉ còn USD40/thùng, gạo và một số mặt hàng lương thực khác giảm 2/3, giá vàng giảm, đồng USD lên

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

- Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu diễn ra tồi tệ nhất trong vòng 80 năm qua (khủng hoảng tín dụng thứ cấp nhà ở Mỹ, 22 NH quy mô lớn nhỏ ở Mỹ phá sản, sáp nhập, bị thôn tính...)
- Nửa đầu năm 2008, LP thế giới tăng mạnh nhưng từ tháng 9-2008 để ngăn chặn suy thoái kinh tế bởi khủng hoảng tài chính thì hàng loạt các giải pháp tài chính mạnh mẽ được áp dụng để thúc đẩy phát triển nền kinh tế.

BỐI CẢNH TRONG NƯỚC

- Nền kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng ở mức độ khác nhau của kinh tế thế giới.
- Thiên tai diễn ra trên diện rộng (rét đậm và kéo dài ở miền Bắc, lũ lụt, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi...)
- Những tháng đầu năm 2008 lạm phát tăng rất cao. Chỉ số CPI năm 2008 tăng 22,97% so với năm 2007(Nguồn tổng cục thống kê).
- Cuối năm 2008 Việt Nam đối mặt suy giảm kinh tế.

Trước những diễn biến nói trên thì chính sách tiền tệ từ cuối 2007 đến đầu năm 2009 được phân thành 2 giai đoạn rõ rệt:

1. Giai đoạn 1:

Cuối 12/2007 đến tháng 8/2008, thực hiện CSTT từ có dấu hiệu đến thắt chặt một cách đồng bộ.

2. Giai đoạn 2:

Từ tháng 9/2008 đến những tháng đầu năm 2009 thực hiện CSTT linh hoạt đến linh hoạt có xu hướng nới lỏng.



* GIAI ĐOẠN 1:

Thực hiện CSTT thật chặt, 3 công cụ: lãi suất, DTBB và TT mở được sử dụng đồng thời với những quy định siết chặt thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản. Thị trường cũng có những phản ứng mạnh mẽ: các hoạt động cho vay gần như bị co cụm lại, lãi suất tăng vọt, luồng tiền gửi trở nên bất ổn, giá cả hàng hoá tăng nhanh. CSTT bộc lộ rõ sức mạnh của nó với những dấu mốc đáng ghi nhớ:

Công cụ CSTT	Quyết định	Giá trị	Ngày thực hiện
Tỷ lệ DTBB	187/QĐ-NHNN	+1%	16/01/2008
LS cơ bản	305/QĐ-NHNN	8.75%	01/02/2008
	1099/QĐ-NHNN	12.00%	19/05/2008
	1317/QĐ-NHNN	14.00%	11/06/2008
TT mở (Tín phiếu NHNN)	346/QĐ-NHNN	20.300 tỷ đồng	17/03/2008
Hạn mức tín dụng	03/2008/QĐ-NHNN	20%VĐL	02/2008

Đánh giá:

- Chủ động thu hút tiền về từ lưu thông.
- Kiểm soát chặt chẽ các lĩnh vực cho vay có rủi ro cao như cho vay đầu tư kinh doanh chứng khoán, bất động sản nhằm kiểm soát tốc độ tăng trưởng của dư nợ tín dụng.
- Thực hiện mục tiêu kiểm chế lạm phát theo chỉ đạo của Chính phủ, theo đó thì các NHTM phải thường xuyên linh hoạt điều chỉnh lãi suất huy động vốn trên thị trường, đồng thời thắt chặt việc cho vay đối với khách hàng

* GIAI ĐOẠN 2:

- Những ngày đầu quý III, thị trường vẫn còn có những diễn biến phức tạp. Tuy nhiên chỉ số lạm phát có xu hướng giảm dần, từ 1,56% (tháng 8) chỉ còn 0,18% (tháng 9) và tiếp tục giảm âm ở những tháng sau đó...
- Cuộc chạy đua lãi suất cũng bắt đầu có dấu hiệu chững lại thông qua một loạt các quyết định của NHNN trong việc sử dụng các công cụ của CSTT: lãi suất cơ bản giảm, lãi suất phải trả cho DTBB tăng lên sau đó với tốc độ giảm nhưng giảm chậm, tín phiếu bắt buộc được thanh toán trước hạn, biên độ tỷ giá được nới lỏng, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc....

Công cụ CSTT	Quyết định	Giá trị	Ngày thực hiện
LS cơ bản	1317/QĐ-NHNN	14%	11/06/2008
	2316/QĐ-NHNN	13%	21/10/2008
	2559/QĐ-NHNN	12%	05/11/2008
	2808/QĐ-NHNN	11%	21/11/2008
	2948/QĐ-NHNN	10%	05/12/2008
	3161/QĐ-NHNN	8,5%	22/12/2008
Biên độ tỷ giá	1436/QĐ-NHNN	+ -2%	26/06/2008
	2635/QĐ-NHNN	+ -3%	06/11/2008
Tỷ lệ DTBB	2811/QĐ-NHNN	8%	20/11/2008
	2951/QĐ-NHNN	6%	03/12/2008
	3158/QĐ-NHNN	5%	19/12/2008

Công cụ CSTT	Quyết định	Giá trị	Ngày thực hiện
Lãi suất DTBB	1907/QĐ-NHNN	3,5%	01/09/2008
	2133/QĐ-NHNN	5,0%	01/10/2008
	2321/QĐ-NHNN	10,0%	21/10/2008
	2950/QĐ-NHNN	9,0%	05/12/2008
	3162/QĐ-NHNN	8,5%	22/12/2008

Nguồn: NHNN

Từ tháng 2/2009 thực hiện việc hỗ trợ lãi suất cho các cá nhân và tổ chức vay vốn sản xuất – kinh doanh theo QĐ131/TTg ngày 23/01/2009 nhằm kích cầu đầu tư, ngăn chặn suy giảm kinh tế, hỗ trợ cho các doanh nghiệp.....

Đánh giá:

- Vẫn thắt chặt ở chỗ duy trì tỷ lệ DTBB cao để hạn chế việc mở rộng tín dụng song linh hoạt ở chỗ:
 - + tăng LS tiền gửi DTBB để góp phần giảm chi phí hoạt động tín dụng,
 - + giảm LS cơ bản hướng đến việc tăng thêm khả năng cho các NHTM trong việc mở rộng cho vay đối với nền kinh tế thông qua đáp ứng nhu cầu vay với lãi suất thấp hơn.
 - + tăng thêm tính thanh khoản cho TCTD thông qua thanh toán tín phiếu bắt buộc trước hạn, sử dụng tín phiếu để tiếp cận trên thị trường mở.....

Đánh giá:

- Mặt bằng lãi suất mới được thiết lập, là một giải pháp tích cực cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp các doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn để duy trì và mở rộng sản xuất.
- Việc cấp bù lãi suất đem lại 2 mặt đối với đất nước:
 - + Chi phí tài chính của DN sẽ hạ xuống, hạ giá thành SP, DN tiếp cận nguồn vốn NH, tránh rủi ro ngưng trệ sản xuất...
 - + Góp phần đảm bảo an sinh XH cho một bộ phận không nhỏ người lao động

Hạn chế, tồn tại từ tác động của CSTT:

Mặc dù tình hình kinh tế cuối 12/2008 đang có dấu hiệu khởi sắc trở lại nhưng hoạt động của các thị trường vẫn trong tình trạng chưa được cải thiện, tiến độ cho vay và khả năng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng vẫn là vấn đề nan giải, cụ thể:

1. **Điều chỉnh giảm LS cho vay là một khó khăn của các NHTM** vì tín hiệu phát ra từ NHNN những tháng đầu năm 2008 đã buộc các NHTM phải nâng LS huy động, thắt chặt tín dụng, nếu giảm LS cho vay nhưng nguồn huy động lãi suất cao còn đó, không dễ gì ngay lập tức có thể giảm thật nhiều.
2. **Tăng cường cho vay là điều không đơn giản.**
 - + dù NH giảm LS cho vay thì doanh nghiệp cũng thật khó có thể vay vốn bởi lãi suất vẫn cao hơn tỷ suất lợi nhuận mà DN có thể đạt được.
 - + do độ minh bạch của của các doanh nghiệp vay vốn, chưa chứng minh được hiệu quả của việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ thấp.

Hạn chế, tồn tại từ tác động của CSTT:

3. **Sự tương tác giữa các NH có phân suy giảm:** Các NH thi nhau chạy đua lãi suất để đáp ứng nhu cầu thanh khoản thì khó tránh khỏi tình trạng chiều dục khách hàng của nhau, cạnh tranh không lành mạnh, nhiều lúc họ đối xử với nhau như không phải họ đang trong cùng một trận tuyến chống lạm phát.
4. **Nợ xấu và rủi ro tiềm ẩn tăng lên:**
 - + LS cao, thắt chặt tín dụng, giá cả nguyên vật liệu tăng... là gánh nặng đè lên vai các doanh nghiệp. Nợ mới đã không vay được thì không có khả năng trả được nợ cũ, nợ chất chồng, khó khăn của doanh nghiệp sẽ có ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của NH.
 - + Quyết định về giảm dư nợ cho vay chứng khoán cộng với thời điểm này thì giá CK giảm mạnh, các nhà đầu tư vay vốn cầm cố CK phải bổ sung TSĐB hoặc giảm dư nợ, nhưng nhiều nhà đầu tư không đáp ứng được yêu cầu này nên NH phải bán Ck để thu hồi nợ, cung tăng tạo áp lực làm giảm giá Ck.

Hạn chế, tồn tại từ tác động của CSTT:

5. *Thanh khoản của một số NHTM có dấu hiệu căng thẳng*, không những do tăng trưởng tín dụng cao, mà còn do thời điểm đầu năm nhu cầu chi tiền mặt của KBNN, các doanh nghiệp, một số tổ chức khác tăng cao, mặt khác do cuộc chạy đua lãi suất của các NH đã dẫn đến cuộc tháo chạy của KH khỏi NH có lãi suất thấp và dòng người xếp hàng bất chấp thời gian trước những ngân hàng có lãi suất cao để gửi.
6. *Gói kích cầu của Chính phủ như một cái phao cứu nguy, tuy nhiên trong thời gian qua tăng trưởng tín dụng không đạt tỷ lệ tương xứng với số vốn hỗ trợ lãi suất đã được giải ngân*

KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

- Thận trọng khi đồng thời sử dụng nhiều công cụ điều hành chính sách tiền tệ.
- Lãi suất là công cụ linh hoạt đáng được cân nhắc để sử dụng nhất.
- Ngoại tệ mua vào cần phải được sử dụng có hiệu quả (DV NHNN).
- Thay đổi quan điểm về chi phí phải trả cho việc điều hành chính sách tiền tệ.
- NHNN cần có cơ chế cho các NHTM vay với LS thấp để đảm bảo vốn, bảo đảm tính thanh khoản, thay vì cấp bù giá cho các doanh nghiệp thì nên dùng vào việc bơm vốn cho các NHTM.
- Cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các Bộ ngành có liên quan trên phương diện tổng thể để chính sách tiền tệ thực thi đạt được hiệu quả, không gây tác động trái chiều như: hạn chế nhập siêu,³⁷ tăng...

Chủ động mua ngoại tệ dự trữ đi liền với các biện pháp hút tiền về nhằm vô hiệu lượng tiền vào và lượng tiền đưa ra mua ngoại tệ cho vay kinh doanh bất động sản và Chứng khoán.

- Cho vay đúng đối tượng, NH cần xem xét thẩm định thật kỹ phương án vay vốn tránh hiện tượng đảo nợ bằng cách giải ngân chuyển trả vào tài khoản người thụ hưởng. NHNN cần thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của các NHTM để tránh hiện tượng các NH chạy theo lợi ích trước mắt làm phương hại đến nền kinh tế.

- Nhà nước cần có phương án chuẩn bị thu mua thóc dự trữ quốc gia ngay khi mùa thu hoạch đến để tránh các tổ chức đầu cơ ép giá của nông dân, nhóm mặt hàng độc quyền nên tăng giá ở mức hợp lý, giá cả phải phù hợp với cung cầu thị trường, chống đầu cơ về giá cả.



**NHÓM CHÂN THÀNH CÁM ƠN CÔ
VÀ CÁC ANH CHỊ ĐÃ CHÚ Ý LẮNG NGHE!**

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các TCTD

Loại TCTD	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ	
	Không kỳ hạn và dưới 12 tháng	Từ 12 tháng đến 24 tháng	Không kỳ hạn và dưới 12 tháng	Từ 12 tháng trở lên
Các NHTM Nhà nước (không bao gồm NHNo & PTNT), NHTMCP đô thị, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính	6%	2%	7%	3%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3%	1%	6%	2%
NHTMCP nông thôn, ngân hàng hợp tác, Quỹ tín dụng nhân dân Trung Ương	1%	1%	6%	2%

Lãi suất tái cấp vốn

Lãi suất tái cấp vốn	Quyết định	Ngày thực hiện
6,0%/năm	316/QĐ-NHNN ngày 25/3/2005	01/04/2005
6,5%/năm	1746/QĐ-NHNN ngày 1/12/2005	01/12/2005
7.5%/năm	306/QĐ-NHNN ngày 30/1/2008	01/02/2008
13,0%/năm	1098/QĐ-NHNN ngày 16/ 5/ 2008	19/05/2008
15,0%/năm	1326/QĐ-NHNN ngày 10/ 6/ 2008	11/06/2008
14.0%/năm	2318/QĐ-NHNN ngày 20/10/2008	21/10/2008
13%/năm	2561/QĐ-NHNN Ngày 3/11/2008	05/11/2008
12%	2810/QĐ-NHNN	21/11/2008
11%	2949/QĐ-NHNN	05/12/2008
9,5%	3159/QĐ-NHNN	22/12/2008
8,0%	173/QĐ-NHNN ngày 23/1/2009	01/02/2009

Lãi suất tái chiết khấu

Lãi suất chiết khấu	Văn bản quyết định	Ngày áp dụng
6,0%/năm	173/QĐ-NHNN ngày 23/1/2009	01/02/2009
7.5%/năm	3159/QĐ-NHNN ngày 19/12/2008	22/12/2008
7,5%/năm	3159/QĐ-NHNN	22/12/2008
9%/năm	2949/QĐ-NHNN	05/12/2008
9,0%/năm	2949/QĐ-NHNN ngày 3/12/2008	05/12/2008
10%/năm	2810/QĐ-NHNN	21/11/2008
11%/năm	2561/QĐ-NHNN ngày 3/11/2008	05/11/2008
12.0%/năm	2318/QĐ-NHNN ngày 20/10/2008	21/10/2008
13,0%/năm	1316/QĐ-NHNN ngày 10/ 6/ 2008	11/06/2008
11%/năm	1098/QĐ-NHNN ngày 16/ 5/ 2008	19/05/2008
6.0%/năm	306/QĐ-NHNN ngày 30/1/2008	01/02/2008
4,5%/năm	1746/QĐ-NHNN ngày 1/12/2005	01/12/2005

Tăng trưởng tín dụng

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
%	38,1	21,4	22,2	28,4	41,5	19,2	21,4	51,39	14,32

Nguồn NHNN